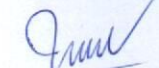
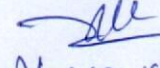


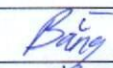
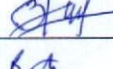
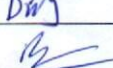
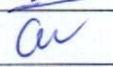
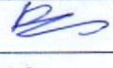
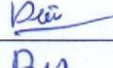
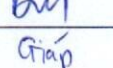
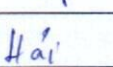
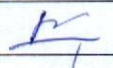
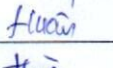
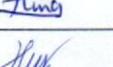
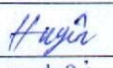
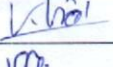
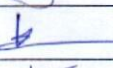
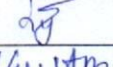
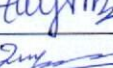
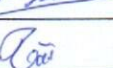
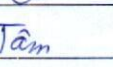
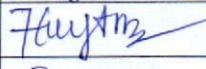
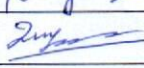
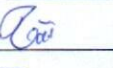
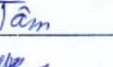
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

   
NLN Thuận NG Việt Khoa NLN Thuận NG Việt Khoa

Môn học : [22824801] - Thực tập tốt nghiệp Số SV có mặt: 38...
(TĐH) (CCQ2215A) Số bài thi:38...
CBGD: BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA (TG280097) Số tờ giấy thi: 38...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A			9,0	8,7	8,8
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A			9,0	8,4	8,6
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A			9,0	8,8	8,9
4	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C			8,5	8,7	8,6
5	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A			8,3	8,8	8,6
6	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C			8,0	8,4	8,2
7	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A			9,3	8,8	9,0
8	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C			9,3	8,7	8,9
9	2122150052	Trần Minh	Dương	20/04/2004	CCQ2215C			9,0	8,7	8,8
10	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A			9,5	9,0	9,2
11	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	CCQ2215C			9,3	8,5	8,8
12	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A			9,3	8,5	8,8
13	2122150021	Hoàng Văn	Huân	06/06/2004	CCQ2215A			8,5	8,9	9,1
14	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C			8,5	8,3	8,4
15	2122150018	Đinh Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A			9,0	8,8	8,9
16	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C			9,0	8,5	8,7
17	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A			9,0	8,9	8,9
18	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A			9,0	8,9	8,9
19	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C			9,0	8,8	8,9
20	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D			8,5	8,7	8,6
21	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A			9,0	8,6	8,8
22	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A			9,0	8,4	8,6
23	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D			9,0	8,7	8,8
24	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B			9,0	9,2	9,1
25	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D			9,0	9,0	9,0
26	2122150038	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	CCQ2215B			9,0	8,5	8,7
27	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B			8,5	8,5	8,5
28	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tấn	11/06/2004	CCQ2215B			9,0	8,9	8,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 *[Signature]* Cán bộ coi thi 2 *[Signature]* G.Viên chấm thi 1 *[Signature]* G.Viên chấm thi 2 *[Signature]*
N.N.Tuỳên *Ng Việt Khoa* *N.N.Tuỳên* *Ng Việt Khoa*

Môn học : [22824801] - Thực tập tốt nghiệp
(TĐH) (CCQ2215A) Số SV có mặt: *38*..
Số bài thi: *38*..
CBGD: BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA (TG280097) Số tờ giấy thi: *38*..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D		<i>Ch</i>	8,5	8,7	8,6
30	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B		<i>[Signature]</i>	9,0	8,9	8,9
31	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D		<i>Alhuan</i>	9,0	9,1	9,1
32	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D		<i>Trang</i>	9,0	8,7	8,8
33	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tu</i>	9,5	9,2	9,3
34	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D		<i>Tri</i>	9,0	9,2	9,1
35	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B		<i>Tu</i>	8,0	8,5	8,3
36	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D		<i>Quay</i>	9,0	8,8	8,9
37	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D		<i>Trang</i>	9,0	8,8	8,9
38	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trực</i>	9,3	9,2	9,2